

NHỮNG YÊU CẦU CỦA PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

*Lê Thị Hằng**

Gần 20 năm trở lại đây, từ năm 1995 khi Việt Nam gia nhập ASEAN và cùng với đó là tham gia vào Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), đến năm 2000, ký Hiệp định Thương mại song phương với Hoa Kỳ theo chuẩn mực của Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) và đầu năm 2007, chính thức trở thành thành viên thứ 150 của WTO; Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng từ hội nhập khu vực đến hợp tác song phương với các nước lớn và cuối cùng là với toàn cầu, từ bước đầu tham gia đến việc thật sự hội nhập một cách sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Hội nhập quốc tế mà trước hết là hội nhập kinh tế vừa tạo ra những điều kiện để thu hẹp khoảng cách giữa Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới nhưng cũng có thể khiến cho khoảng cách này càng ngày càng xa hơn nếu chúng ta không biết tận dụng tốt cơ hội để phát triển. Từ đây, những yêu cầu mới đặt ra đối với việc phát huy các nhân tố nội lực mà quan trọng nhất, then chốt nhất là phát huy nhân tố con người càng có ý nghĩa cấp thiết, trở thành vấn đề sống còn đòi hỏi Việt Nam phải có sự đáp ứng đầy đủ nhất, kịp thời nhất.

1. Yêu cầu về tiếp tục hoàn thiện nhận thức và xây dựng hệ thống chính sách về phát huy nhân tố con người

Xuất phát từ mục tiêu vì con người và tận dụng tối đa nguồn lực của con người để phát triển luôn là chính sách nhất quán của Đảng ta từ ngày đầu thành lập. Khi nước ta bắt đầu công cuộc đổi mới, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986 đã nhấn mạnh đến vai trò của nhân tố con người, phát huy yếu tố con người, gắn phát triển kinh tế xã hội, lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động. Các đại hội tiếp theo đặc biệt từ Đại hội VIII, IX, con người được đặt vào vị trí trung tâm, là chìa khóa quyết định cho sự thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ở Đại hội X, trong bối cảnh Việt Nam đang tích cực hòa nhập một cách sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, quan điểm của

* ThS., Viện Hồ Chí Minh - Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.

Đảng về phát huy nhân tố con người có bước phát triển đáng kể khi Đảng lựa chọn phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực có chất lượng cao để thực hiện thắng lợi công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức. Đến Đại hội XI, phát triển nhanh nguồn nhân lực đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao được xác định là khâu đột phá, khâu trọng yếu của sự phát triển. Mục tiêu phát triển con người toàn diện và những giải pháp cơ bản để phát triển nhanh nguồn nhân lực được nêu ra cụ thể và phù hợp hơn với tình hình mới.

Như vậy, trong từng thời kỳ, nhận thức của Đảng về phát huy nhân tố con người không ngừng được củng cố, bổ sung và được điều chỉnh cho phù hợp với từng giai đoạn. Hiện nay, khi Việt Nam đã chính thức hội nhập toàn diện và sâu rộng với thế giới, nhiều vấn đề mới về lý luận và thực tiễn được đặt ra. Những tác động đa chiều của quá trình hội nhập vẫn đang hàng ngày, hàng giờ làm biến chuyển sâu sắc tình hình đất nước. Tâm vóc của công cuộc đổi mới và sự hòa nhập càng lớn bao nhiêu thì những vấn đề mà chúng ta cần giải quyết càng khó khăn, phức tạp bấy nhiêu. Mở cửa và hội nhập thực chất là một cuộc đua tranh quyết liệt, là quá trình tác động ảnh hưởng lẫn nhau tùy thuộc vào nhau và cả chuyển hóa lẫn nhau. Trong một thế giới đang thay đổi mạnh mẽ dưới tác động của xu thế toàn cầu hóa và ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ, Việt Nam cần thay đổi chiến lược hội nhập, từ lượng chuyển sang chất, từ chiều rộng chuyển sang chiều sâu. Từ đây, những đòi hỏi về nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao càng trở thành nhu cầu cấp bách. Trên cơ sở đó, đặt ra yêu cầu chúng ta phải có những chính sách mới trên tất cả các mặt: hợp tác quốc tế, đổi mới giáo dục đào tạo, tiếp thu và làm chủ khoa học công nghệ, cải thiện môi trường xã hội, môi trường đầu tư... Đồng thời, phải thường xuyên nắm bắt được xu thế của thế giới, nhất là xu thế về công nghệ, về thị trường thế giới, thị trường nhân lực, sự thay đổi của cơ cấu các ngành nghề... để có thể chủ động đưa ra những chính sách, những giải pháp đáp ứng nhu cầu thực tiễn và đón đầu được xu thế phát triển của thế giới. Nếu không có dự báo chiến lược, tư duy chiến lược, Việt Nam sẽ rơi vào tình trạng bị động, lúng túng dẫn tới việc không đáp ứng kịp thời yêu cầu của hội nhập. Ví dụ như trong việc xây dựng đội ngũ lao động, vì Việt Nam chưa có chiến lược đón đầu, khi thế giới chuyển từ hướng tới lao động rẻ sang lao động chất lượng cao, nên đội quân lao động đông nhưng không mạnh của Việt Nam đã mất ưu thế cạnh tranh trên thị trường lao động thế giới.

Tại Đại hội XI, Đảng ta đã đề ra mục tiêu đến năm 2020 là "nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại... tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau"¹. Mục tiêu lâu dài là xây dựng thành công chủ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 31.

nghĩa xã hội. Nhưng đến nay, Việt Nam vẫn chưa có chiến lược phát triển toàn diện, phù hợp đáp ứng sự phát triển trước mắt và lâu dài. Đối với vấn đề hội nhập quốc tế, mặc dù đã xác định phương châm là "tích cực", "chủ động" "hội nhập một cách sâu rộng", nhưng trên thực tế, Việt Nam chưa có chiến lược tổng thể cũng như hệ thống các chính sách đồng bộ, kịp thời để thúc đẩy và phát huy tác dụng tích cực của quá trình hội nhập. Hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực chưa có chiều sâu cần thiết, chưa tạo được động lực tích cực trong hợp tác kinh tế quốc tế và khai thác có hiệu quả các cơ hội trong lĩnh vực này. Do điểm xuất phát thấp, đang trong quá trình chuyển đổi cơ chế kinh tế, cho nên bên cạnh thành tựu hội nhập kinh tế quốc tế, nước ta vẫn còn nhiều hạn chế kìm hãm tiềm năng phát triển và hiệu quả hội nhập. Trong khi đó, nhận thức của Việt Nam về những thách thức và phức tạp của quá trình này vẫn chưa đầy đủ và thống nhất dẫn đến việc chúng ta bị động đối phó hơn là chủ động thích nghi với tình hình mới. Ngay cả đối với vấn đề then chốt nhất là vấn đề con người thì nhận thức về phát huy nhân tố con người có lúc, có nơi chưa được coi trọng đúng mức. Quan niệm về vấn đề con người trong thực tế phát triển kinh tế xã hội chưa rõ ràng và quá đơn giản. Việc đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển mới chỉ dừng lại ở sự định hướng chứ chưa được thể hiện rõ trong hành động cụ thể. Hệ thống chính sách thu hút nhân tài, xây dựng và phát triển có hiệu quả nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay còn nhiều khiếm khuyết như hệ thống thang lương thấp, chưa có sự đãi ngộ tương xứng, hệ thống y tế chưa đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hệ thống giáo dục đào tạo - khâu then chốt trong việc xây dựng đội ngũ nhân lực còn quá nhiều yếu kém, bất cập... Bởi vậy, muốn phát huy nhân tố con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu của hội nhập, trước hết Đảng và Nhà nước, những nhà hoạch định chính sách phải có một nhận thức đầy đủ, một chiến lược tổng thể và hệ thống những giải pháp cụ thể về hội nhập nói chung, về việc phát huy nhân tố con người trong hội nhập quốc tế nói riêng.

Việc phát huy nhân tố con người phải được bắt đầu bằng những quyết sách, chủ trương có tính định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước. Một khác, từ đường lối, chính sách đến việc thực hiện trong thực tế là cả quá trình và bao giờ cũng có độ chênh nhất định. Ngày 19/4/2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 579/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020 trong đó nêu rõ mỗi bộ, ngành và địa phương cần phải xây dựng quy hoạch phát triển nhân lực đồng bộ với chiến lược, phát triển chung của mình. Vấn đề hiện nay là cần hiện thực hóa chiến lược bằng những biện pháp, những hành động cụ thể để có thể xây dựng trên thực tế nguồn nhân lực của Việt Nam, những con người Việt Nam mới đáp ứng được yêu cầu của đổi mới và hội nhập.

2. Yêu cầu về đội ngũ nhân lực, đặc biệt là đội ngũ nhân lực có chất lượng cao

Để hội nhập kinh tế quốc tế chủ động và đạt hiệu quả, trước hết mỗi quốc gia cần có một nội lực mạnh mà yếu tố cơ bản nhất chính là nguồn nhân lực mạnh. Thế giới đang chứng kiến sự phát triển nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học công nghệ với sự hình thành của nền kinh tế tri thức. Hội nhập quốc tế tạo điều kiện thuận lợi để những nước còn kém phát triển về công nghệ như Việt Nam có thể tiếp cận nhanh chóng với trình độ công nghệ của thế giới và sớm bước vào nền kinh tế tri thức; nhưng cũng có thể làm cho khoảng cách trình độ công nghệ giữa nước ta với thế giới ngày càng lớn nếu chúng ta không có một đội ngũ nhân lực chất lượng cao tiếp thu và làm chủ được công nghệ. Với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam không chỉ có nhiều cơ hội tốt về tăng trưởng kinh tế mà còn tạo ra những thách thức không nhỏ về khả năng thích ứng, hội nhập và nhất là khả năng nâng cao năng lực cạnh tranh của một quốc gia trên thị trường quốc tế. Lợi thế cạnh tranh ngày nay không còn nằm chủ yếu ở lực lượng lao động rẻ, mà nghiêng về tiềm lực tri thức và công nghệ. Bởi vậy, chúng ta đang phải cạnh tranh trên thị trường thế giới với những đối thủ có nhiều lợi thế hơn, nhất là tiềm lực về công nghệ, tài chính và kinh nghiệm tổ chức quản lý, sản xuất. Mặt khác, nguồn tài nguyên thiên nhiên - một trong những yếu tố quan trọng cho sự phát triển nhanh của nền kinh tế nước ta trong những thập kỷ trước đang dần bị cạn kiệt. Do những yếu kém của kết cấu hạ tầng sự bất cập của chính sách đầu tư, ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới... nên sức hấp dẫn thu hút đầu tư nước ngoài của nền kinh tế Việt Nam giảm sút so với thời kỳ trước và so với các nước trong khu vực. Bởi vậy, cả về trước mắt và lâu dài, việc phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao là yếu tố "sống còn" trong cạnh tranh và hội nhập của Việt Nam hiện nay.

Tuy nhiên, về cơ bản, chất lượng lao động của Việt Nam còn thấp so với yêu cầu và trong so sánh quốc tế. Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp trong khi các nước công nghiệp mới có tỷ lệ rất cao thường gấp 2,5 - 3 lần Việt Nam (60 - 70%). Trình độ chuyên môn kỹ thuật của công nhân trong các doanh nghiệp được điều tra năm 2007 có 57,08% là lao động phổ thông; 26,97% là lao động kỹ thuật; 6,26% là trung cấp và 10,09% là cao đẳng, đại học¹. Như vậy, quá nửa lao động trong các doanh nghiệp là lao động phổ thông, tỷ lệ lao động qua đào tạo ở Việt Nam hiện nay chưa đạt chỉ tiêu của một nước công nghiệp ở trình độ thấp. Cơ cấu đào tạo lực lượng lao động còn nhiều bất hợp lý, chi thiên về đào tạo các bậc cao đẳng, đại học,

¹ Xem GS.TS. Nguyễn Ngọc Phú (Chủ biên), 2011, *Nguồn nhân lực và tài lực cho phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới - những vấn đề lý luận*, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.

số lao động có trình độ trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật còn quá thiếu và yếu so với yêu cầu. Nhóm lao động khoa học công nghệ còn ít và chưa đáp ứng yêu cầu triển khai công nghệ mới trong khi nhu cầu về loại lao động này càng trở nên cấp bách bởi áp lực của thị trường, của cạnh tranh và hội nhập. Việc khai thác và sử dụng số lao động đã qua đào tạo, có trình độ lại bất hợp lý và kém hiệu quả. Khả năng cạnh tranh của lao động Việt Nam còn thấp đã hạn chế khả năng của nền kinh tế. Tác phong và kỷ luật lao động công nghiệp vẫn còn chưa cao. Chỉ số tổng hợp đánh giá chất lượng lao động Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm trên thang điểm 10, ở dưới mức trung bình, trong khi chỉ số này ở Hàn Quốc là 6,91, Trung Quốc là 5,73, Malaysia là 5,59¹. Sự hạn chế về thể chất của đội ngũ lao động cũng là yếu tố quan trọng dẫn đến sự suy giảm khả năng cạnh tranh lao động Việt Nam khi bước vào hội nhập với thị trường lao động thế giới.

Khan hiếm nhân lực chất lượng cao đang là một trong những thử thách lớn nhất đối với nguồn nhân lực Việt Nam hiện nay. Sự khan hiếm nguồn nhân lực chất lượng cao đã diễn ra triền miên trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề và vẫn chưa có những giải pháp hiệu quả để giải quyết tình trạng này. Thêm vào đó là tình trạng chảy máu chất xám, khiến cho nguồn nhân lực này đã ít lại càng hiếm hơn. Sau khi gia nhập WTO, với những cam kết mở cửa thị trường, nguồn vốn đầu tư nước ngoài tăng, cùng với áp dụng chiến lược công nghiệp hóa, nhu cầu về lao động Việt Nam sẽ tăng trong những ngành công nghệ cao như công nghệ sinh học, thông tin, tự động hóa..., trong các ngành dịch vụ như ngân hàng, bảo hiểm... Bởi vậy, một thách thức lớn với Việt Nam là trong thời gian rất ngắn, chúng ta phải đào tạo được một đội ngũ nhân lực có trình độ và năng lực cao trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác nhau đặc biệt là các nhà khoa học, các nhà giáo, nhà quản lý, các kỹ sư tài năng, thợ kỹ thuật lành nghề... Đây là lực lượng xung kích trong việc tiếp nhận và chuyển giao công nghệ tiên tiến, là hạt nhân trong việc đưa lĩnh vực kinh tế xã hội nơi họ lao động đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Và đặc biệt quan trọng là phải có được những nhân tài trong đội ngũ nhân lực, bởi họ là "nguyên khí của quốc gia", có nhiệm vụ chủ trì những hướng, những ngành, những lĩnh vực quan trọng then chốt của đất nước, đưa những ngành, những lĩnh vực đó phát triển, rút ngắn dần khoảng cách tụt hậu so với các nước tiên tiến. Mặt khác, khi mở cửa thị trường lao động, bên cạnh có hội tìm kiếm việc làm có thu nhập cao, môi trường làm việc được cải thiện, thì lao động Việt Nam cũng phải đối diện với sự cạnh tranh gay gắt của lao động nước ngoài, nhất là trong khu vực công nghệ cao. Hơn nữa, trước sức ép cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế như hiện nay, các doanh nghiệp nhỏ, ít vốn

1. Theo <http://www.molisa.gov.vn/news/detail/75/newsid/45880/sep/Ban-ve-chat-luong-lao-dong-Viet-Nam/language/vi-VN/Default.aspx>.

khó có khả năng trụ vững, điều đó cũng làm gia tăng tỷ lệ lao động thất nghiệp của Việt Nam. Khi gia nhập WTO, một bộ phận lao động trẻ có sức khỏe, có học vấn, có trình độ tay nghề sẽ có thu nhập cao hơn, ngược lại một bộ phận không đáp ứng được nhu cầu sẽ bị đào thải. Điều này sẽ làm cho khoảng cách thu nhập giữa các bộ phận dân cư, các tầng lớp ngày càng kéo rộng ra, ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình xã hội, đến mục tiêu phát triển con người toàn diện và bền vững.

Yêu cầu đặt ra là quá trình xây dựng, phát triển nguồn nhân lực phải bám sát với những yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập. Điều này đòi hỏi phải cải thiện môi trường kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng sống, tiến hành hàng loạt giải pháp thích ứng đồng bộ, hướng vào việc quản lý, khai thác, sử dụng và phát triển có hiệu quả nguồn lực con người. Đó là cơ chế chính sách phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng có hiệu quả cùng với việc đánh giá tôn vinh, đãi ngộ nguồn nhân lực có chất lượng cao; chính sách giữ và bảo vệ nguồn nhân lực chất lượng cao, tránh tình trạng chảy máu chất xám đang ngày càng trầm trọng ở Việt Nam hiện nay. Hơn nữa, trong bối cảnh hội nhập, Việt Nam cần xây dựng chiến lược thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của các nước, mà trước hết là hơn 3 triệu người Việt Nam đang sống ở nước ngoài với trên 400.000 người có trình độ đại học trở lên. Bên cạnh đó, là việc tăng cường quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh và môi trường lao động; tiếp tục hoàn thiện thể chế thị trường lao động, tạo khung pháp lý phù hợp theo hướng tiếp tục giải phóng sức lao động, phát huy tối đa tiềm năng nguồn nhân lực; phân bổ lại nguồn lực lao động và cơ cấu lao động theo từng vùng, từng ngành nghề. Các bộ, ngành cần có sự nghiên cứu tổng kết, thường kỳ cũng như cần đổi mới tư duy, cái nhìn mới về con người, nguồn nhân lực Việt Nam, từ đó có sự đột phá về tư duy chiến lược, sự thay đổi đồng bộ về các hiện pháp, cách thức xây dựng nguồn nhân lực Việt Nam.

3. Yêu cầu xây dựng và hoàn thiện hệ thống giá trị con người Việt Nam mới

Bước vào công cuộc đổi mới và hội nhập, con người Việt Nam có những thế mạnh nổi bật là lực lượng lao động dồi dào và trẻ với những phẩm chất tốt đẹp: truyền thống yêu nước, sự cần cù chịu khó, tư chất thông minh, phương thức ứng xử mềm mỏng, lối sống thân ái, trọng đạo lý... Đây chính là sức mạnh của đất nước, là nguồn lực nội sinh quý giá trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Bên cạnh đó, con người Việt Nam vẫn tồn tại nhiều nhược điểm trong một thời gian dài do tác động tiêu cực của một nền sản xuất tiểu nông đem lại. Phần lớn lao động Việt Nam xuất thân từ nông nghiệp, nông thôn nên còn mang nặng tác phong sản xuất của một nền nông nghiệp tiểu nông với phong cách tự do, tùy tiện, chậm chạp, lè mề. Do đặc điểm của nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu trên những

mảnh ruộng manh mún, phân tán, đại bộ phận nông dân làm ăn cá thể, tự do nên ít có khả năng hợp tác, ngại chia sẻ kinh nghiệm làm việc. Về mặt giao lưu xã hội, họ gắn bó với làng xã, khép kín trong các làng xã, do vậy mang nặng tính cục bộ địa phương, ít giao lưu, xa lạ với hội nhập. Những quan niệm lỗi thời như hư danh, trọng lý thuyết, coi nhẹ thực hành, coi rẻ lao động tay chân... vẫn lưu lại đậm nét trong con người Việt Nam. Do có một thời gian dài sống trong chế độ bao cấp, đã quen với sự đảm bảo của Nhà nước, làm cho con người trở nên kém năng động, sáng tạo, an phận thủ thường, không dám chấp nhận rủi ro. Một thực trạng đáng buồn là chỉ số thông minh IQ của người Việt Nam cao, nhưng chỉ số sáng tạo EQ thì rất thấp. Bên cạnh đó, qua hơn 25 năm đổi mới, mặc dù chất lượng cuộc sống cộng đồng đã được nâng cao nhưng so với yêu cầu đặt ra và với tiêu chuẩn của thế giới, chất lượng dân số ở nước ta vẫn ở mức thấp. Năm 2011, Việt Nam chỉ xếp thứ 113/169 nước trong bảng xếp hạng về chỉ số phát triển con người (HDI) của Liên hợp quốc¹. Những hạn chế trên là những trở ngại lớn để con người Việt Nam bước vào xã hội công nghiệp hiện đại và nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh và rủi ro.

Quá trình hội nhập quốc tế tự bản thân nó đã đặt ra những yêu cầu khách quan đòi hỏi mỗi quốc gia, mỗi dân tộc và mỗi cá thể cần phải có những năng lực và phẩm chất cần thiết và thích ứng, kết hợp phát huy phẩm chất truyền thống tốt đẹp, khắc phục hạn chế, trên cơ sở đó, xác lập thêm những giá trị mới, năng lực mới, phẩm chất mới.

Trước hết, con người Việt Nam mới phải có lòng yêu nước, tinh thần tự cường dân tộc. Nếu trước kia trong kháng chiến, tinh thần yêu nước là sự hy sinh tất cả để giành độc lập cho Tổ quốc thì trong công cuộc đổi mới và hội nhập hiện nay, tinh thần yêu nước là tinh thần sáng tạo trong tư duy, là sự nỗ lực không ngừng học tập để nâng cao trình độ; là tinh thần hợp tác, chặt chẽ; là quyết tâm không cam chịu nghèo đói, lạc hậu, dám hội nhập quốc tế để khẳng định vững chắc vị thế của dân tộc trên trường quốc tế. Tinh thần yêu nước ngày nay còn biểu hiện ở phẩm chất đạo đức trong sáng, ở bản lĩnh văn hóa - chính trị vững vàng trước cám dỗ vật chất, của lối sống thực dụng, cá nhân, vị kỷ; trước sự du nhập ồ ạt của các nền văn hóa mà vẫn giữ được "hồn cốt dân tộc". Không phải ngẫu nhiên mà Nhật Bản và các nước công nghiệp mới ở châu Á rất coi trọng việc giáo dục công dân về đạo lý, văn hóa, ý thức dân tộc và truyền thống. Chính trên nền truyền thống vững bền, trong công cuộc hội nhập, các giá trị văn hóa nhân loại đã được thẩm thấu, chắt lọc, cải biến để bồi đắp thêm, làm giàu thêm các giá trị văn hóa dân tộc.

1. Xem <http://dantri.com.vn>, ngày 11/7/2011.

Trong điều kiện hội nhập quốc tế vào nền kinh tế tri thức đang hình thành và phát triển mạnh mẽ như hiện nay, đòi hỏi ở con người Việt Nam không chỉ là sự cần cù, chịu khó mà phải có "nhân cách của một con người công nghiệp", phải có trình độ trí tuệ ít ra ngang tầm khu vực. Đó là con người phải có sức khỏe tốt, có trình độ văn hóa cao, có khả năng tiếp thu và áp dụng những thành tựu của khoa học công nghệ tiên tiến; có khả năng biến tri thức thành kỹ năng lao động nghề nghiệp; có tác phong và tư duy công nghiệp; có tính kỷ luật và ý thức lao động tập thể. Người lao động phải có năng lực hoạt động thực tiễn tốt, có khả năng xử lý tình huống có vấn đề trong điều kiện kinh tế thị trường và cách mạng khoa học - công nghệ; phải có năng lực thích ứng trong một xã hội luôn luôn biến đổi; phải có năng lực sáng tạo để tăng năng suất, hiệu quả lao động và khả năng cạnh tranh. Người lao động phải có ý thức về quyền lợi và nghĩa vụ của bản thân, hiểu và tự giác chấp hành pháp luật; có ý thức sâu sắc về tự do, dân chủ, về xây dựng nhà nước pháp quyền. Đồng thời, để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, đòi hỏi sự hiểu biết và tinh thần trách nhiệm cao của người lao động về bảo vệ môi trường sinh thái. Mặt khác, trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển nhanh hiện nay, năng lực tự học, tự phát triển đã trở nên hết sức cần thiết để người lao động có thể không ngừng vươn lên, theo kịp những đổi mới trong công nghệ và trong cuộc sống hàng ngày.

4. Yêu cầu đổi mới toàn diện nền giáo dục

Muốn xây dựng nguồn nhân lực có chất lượng cao, muốn đào tạo thế hệ những con người Việt Nam mới, vấn đề quyết định chính là đổi mới toàn diện nền giáo dục. Nền giáo dục Việt Nam hiện nay có một khoảng cách khá xa với các nước trong khu vực và trên thế giới, về cơ bản vẫn chưa hoàn thành được nhiệm vụ đào tạo một đội ngũ lao động có kiến thức cơ bản, làm chủ kỹ năng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp, có ý thức vươn lên về khoa học công nghệ. Trong một thời gian dài, hệ thống giáo dục của chúng ta không được đổi mới dẫn đến sự lạc hậu trong chương trình và phương pháp giảng dạy, thiên về nhồi nhét kiến thức hơn là đào tạo khả năng thích ứng và phương pháp làm việc. Sự yếu kém lạc hậu còn thể hiện cơ cấu đào tạo hắt hạp lý, chỉ thiên về "học làm thầy hơn học làm thợ", ở cơ sở vật chất, sự đầu tư vừa chưa thích đáng vừa lãng phí cho ngành giáo dục, ở trình độ hạn chế của người thầy. Theo Báo cáo giám sát giáo dục toàn cầu 2005 của UNESCO, chỉ số giáo dục, đào tạo của Việt Nam đạt 0,914 điểm, xếp thứ 64/127 nước; chất lượng phát triển giáo dục đạt 89 điểm, thấp hơn Trung Quốc (98 điểm), Thái Lan (94 điểm), Hàn Quốc (99,4 điểm). Chương trình cải cách giáo dục hiện nay về cơ bản vẫn chưa khắc phục được sự yếu kém của nền giáo dục, mà lại làm trầm trọng hơn một số căn bệnh trầm kha của nền giáo dục Việt Nam như bệnh thành tích, chạy trường lớp, mua bán bằng cấp...

Từ thực trạng này đòi hỏi nền giáo dục Việt Nam phải có sự chuyển biến toàn diện và căn bản trên một loạt vấn đề: đổi mới cơ chế giáo dục, cải cách chương trình, đổi mới phương pháp, cân đối lực lượng cung - cầu được đào tạo... trong đó đổi mới cơ chế quản lý giáo dục là khâu then chốt, bởi có giải quyết tốt "điểm nút" này thì giáo dục Việt Nam mới có điều kiện và môi trường pháp lý để phát triển lành mạnh. Mặt khác, khi Việt Nam hội nhập, tất yếu giáo dục Việt Nam phải hội nhập và cạnh tranh với nền giáo dục của các nước trên thế giới trong điều kiện nền giáo dục nước ta đang ở một trình độ thấp hơn. Bởi vậy, chúng ta phải hướng đến xây dựng một mô hình giáo dục hiện đại trong đó con người phải được phát triển toàn diện, mỗi người phải được phát hiện, đào tạo và bồi dưỡng dựa trên năng lực vốn có của bản thân; một nền giáo dục phải đáp ứng được những tiêu chuẩn cơ bản nhất của khu vực và thế giới từ cơ sở vật chất, chương trình giảng dạy, tài liệu học tập, đội ngũ giáo viên, quản lý giáo dục, chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó, nền giáo dục Việt Nam phải hướng tới giáo dục cho người học giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, giáo dục ý thức tự tôn dân tộc - đó là nền tảng vững bền của độc lập dân tộc trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay.

Muốn làm được tất cả những điều trên, giáo dục thật sự phải được coi là quốc sách hàng đầu, chính sách giáo dục đào tạo phải được thể chế hóa thành luật pháp, phải có sự đầu tư thích đáng, huy động mọi nguồn lực tham gia vào sự nghiệp giáo dục. Những hiện tượng tiêu cực trong giáo dục cần nhanh chóng loại bỏ một cách triệt để nhằm đưa nền giáo dục phát triển lành mạnh. Bên cạnh đó, việc đào tạo hiện nay cũng cần tính đến nhu cầu của xã hội, sự phát triển của nền kinh tế, để điều chỉnh cơ cấu đào tạo, số lượng đào tạo cho mỗi ngành nghề. Và trong điều kiện hội nhập, giáo dục lại càng phải đi trước một bước so với kinh tế; phải "đi tắt đón đầu" những thành tựu của nền giáo dục thế giới, nhanh chóng thu hẹp trình độ của nền giáo dục Việt Nam với nền giáo dục các nước tiên tiến.

Con người từ xưa đến nay luôn được đặt ở vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế xã hội. Mỗi thời đại, giai đoạn lịch sử, những yêu cầu đặt ra đối với việc phát huy nhân tố con người cũng khác nhau. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, khi chúng ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tích cực hội nhập quốc tế, hàng loạt những yêu cầu mới được đặt ra nhằm phát huy hết khả năng của con người Việt Nam đáp ứng nhu cầu của hội nhập và phát triển. Đó là yêu cầu về xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách của Nhà nước, về xây dựng đội ngũ lao động, hoàn thiện hệ thống giá trị con người Việt Nam mới, về đổi mới giáo dục đào tạo, về đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân... Từ những vấn đề đặt ra đòi hỏi Việt Nam phải có những giải pháp cụ thể, phù hợp nhằm tăng cường sức mạnh nội sinh của đất nước, nâng cao, khẳng

định vị thế của đất nước trên trường quốc tế và đem lại cuộc sống tốt đẹp nhất cho người dân Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. GS.TS. Nguyễn Minh Đường, PGS.TS. Phan Văn Kha (đồng Chủ biên), 2006, *Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
3. GS.TS. Nguyễn Ngọc Phú (Chủ biên), 2010, *Nguồn nhân lực và nhân tài cho phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới - Những vấn đề lý luận*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
4. PGS.TS. Nguyễn Thế Kiệt, 2012, "Phát huy nguồn lực con người trong công cuộc phát triển đất nước hiện nay", *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 6/2012, trang. 35-41.
5. GS.TS. Phạm Minh Hạc (Chủ biên), 1996, *Vấn đề con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
6. PGS.TS. Vũ Như Khôi (Chủ biên), 2006, *Đảng Cộng sản Việt Nam với công cuộc đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.